

CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP KỸ NĂNG NGHE TIẾNG TRUNG QUỐC CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM

LƯU HỜN VŨ*

Bài viết sử dụng phương pháp điều tra bằng hỏi khảo sát về việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam. Kết quả cho thấy, sinh viên có tần suất sử dụng ở mức độ trung bình, các nhân tố giới tính và độ tuổi không ảnh hưởng đến việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc, giữa chiến lược học tập và thành tích học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc tồn tại mối tương quan thuận với nhau. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị về giảng dạy và học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc.

Từ khóa: chiến lược học tập, kỹ năng nghe, tiếng Trung Quốc

Nhận bài ngày: 3/7/2019; đưa vào biên tập: 6/7/2019; phản biện: 15/7/2019; duyệt đăng: 12/8/2019

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghe là hoạt động có vai trò quan trọng trong giao tiếp hàng ngày của con người. Theo thống kê của Paul T. Rankin, trong giao tiếp con người sử dụng 45% cho hoạt động nghe, 30% cho hoạt động nói, 16% cho hoạt động đọc và 9% cho hoạt động viết (Ron Iwankovitsch, 2001). Trong quá trình thụ đắc tiếng Trung Quốc, kỹ năng nghe là một kỹ năng ngôn ngữ quan

trọng, là phương thức đầu vào cơ bản nhất. Sự thành bại của việc học kỹ năng nghe có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả học tập ngoại ngữ và năng lực giao tiếp ngoại ngữ của người học.

Tuy kỹ năng nghe là kỹ năng quan trọng nhất trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhưng trong thực tế năng lực nghe của sinh viên không được như mong muốn. Theo Qian Yulian (2007), có sự khác biệt khá lớn giữa nhu cầu và năng lực của sinh viên về kỹ năng nghe tiếng Trung

* Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Quốc. Qua đó có thể thấy, cần tìm kiếm những biện pháp hữu hiệu để nâng cao năng lực nghe của sinh viên.

Chiến lược học tập kỹ năng nghe là những biện pháp và cách thức học tập kỹ năng nghe mà người học đã sử dụng trong quá trình nghe hiểu nhằm nâng cao năng lực nghe. Nghiên cứu của Vandergrift L. (1999) cho thấy, những chiến lược thành công có thể nâng cao hiệu quả nghe hiểu của sinh viên. Đã có một số công trình (Zhang Jin-hai, 2008; Fan Zu-kui, 2008; Wang Yao-mei, 2013; Xu Li-hua & Zhou Ying, 2016; Wu Jian, 2018) nghiên cứu về chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên quốc tế. Song, vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu về chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam là rất cần thiết. Điều này phù hợp với nhu cầu thực tế của người học, đồng thời cũng là mục tiêu và yêu cầu trong nghiên cứu và giảng dạy tiếng Trung Quốc cho sinh viên Việt Nam.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi mong muốn tìm kiếm câu trả lời cho các câu hỏi sau:

Thứ nhất, tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam như thế nào? Sinh viên thích sử dụng những chiến lược nào?

Thứ hai, các nhân tố cá thể (giới tính, độ tuổi) có ảnh hưởng đến việc sử

dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam không?

Thứ ba, việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc và thành tích học tập kỹ năng nghe có mối tương quan với nhau không?

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể nghiên cứu

Tham gia điều tra là 190 sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Sư phạm TPHCM và Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Tất cả các phiếu thu vào đều là phiếu hợp lệ, đạt tỉ lệ 100%. Sinh viên trả lời đầy đủ tất cả các câu hỏi có trong phiếu.

2.2. Công cụ thu thập dữ liệu

Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng hỏi để khảo sát chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên. Phiếu điều tra được thiết kế dựa trên bảng điều tra chiến lược học tập kỹ năng nghe của O' Malley & Chamot (1989), có tổng cộng 47 câu hỏi, sử dụng thang đo năm bậc của Likert từ "hoàn toàn không đồng ý" đến "hoàn toàn đồng ý". Các câu hỏi này xoay quanh ba nội dung: nhóm chiến lược siêu nhận thức, nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm. Trong đó, nhóm chiến lược siêu nhận thức bao gồm các chiến lược kế hoạch (bao gồm các câu T1, T2, T3, T4), các chiến lược giám sát (bao gồm các câu T5, T6, T7) và các chiến lược đánh giá (bao gồm các câu T8, T9, T10, T11, T12, T13); nhóm chiến lược nhận thức bao gồm các chiến

lược thuật lại (bao gồm các câu T14, T15, T16, T17, T32), các chiến lược suy luận (bao gồm các câu T18, T19, T20, T21, T22, T23), các chiến lược dự đoán (bao gồm các câu T24, T25, T26, T27, T28, T29, T30, T31, T32, T33), các chiến lược khái quát (bao gồm các câu T34, T35, T36) và các chiến lược chuyển di (bao gồm các câu T37, T38, T39, T40); nhóm chiến lược xã hội - tình cảm bao gồm các chiến lược hỏi người khác (bao gồm các câu T41, T42, T43) và các chiến lược tự trò chuyện (bao gồm các câu T44, T45, T46, T47).

2.3. Công cụ phân tích số liệu

Oxford (1990) chia tần suất sử dụng chiến lược ra làm 5 cấp độ: cấp 1 có trị trung bình từ 1.0 đến 1.4, cấp 2 có trị trung bình từ 1.5 đến 2.4, cấp 3 có trị trung bình từ 2.5 đến 3.4, cấp 4 có trị trung bình từ 3.5 đến 4.4, cấp 5 có trị trung bình từ 4.5 đến 5.0. Song, cách phân cấp này của Oxford không

Chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS (phiên bản 22.0) để thống kê, phân tích số liệu mà chúng tôi thu thập được. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng SPSS trong các thống kê mô tả, kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể - trường hợp mẫu độc lập (Independent - samples T-test) và phân tích tương quan Pearson.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc

Tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên như sau (xem Bảng 1).

thể phân cấp cho các trường hợp có trị trung bình từ 1.4 đến 1.5, từ 2.4 đến 2.5, từ 3.4 đến 3.5, từ 4.4 đến 4.5. Vì vậy, chúng tôi tiến hành điều chỉnh lại như sau: cấp 1 có trị trung bình từ 1.0 đến dưới 1.5, cấp 2 có trị trung bình từ 1.5 đến dưới 2.5, cấp 3 có trị trung bình từ 2.5 đến dưới 3.5, cấp 4

Bảng 1. Tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc

Nhóm chiến lược	Mean	SD	Các chiến lược	Mean	SD
Nhóm chiến lược siêu nhân thức	3.3211	0.53109	Các chiến lược kế hoạch	3.4026	0.72310
			Các chiến lược giám sát	3.0544	0.82792
			Các chiến lược đánh giá	3.4000	0.69744
Nhóm chiến lược nhân thức	3.1770	0.48107	Các chiến lược thuật lại	3.2937	0.72584
			Các chiến lược suy luận	3.5342	0.65701
			Các chiến lược dự đoán	2.8883	0.66603
			Các chiến lược khái quát	2.9789	0.77104
			Các chiến lược chuyển di	3.2934	0.73671
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	2.9504	0.53058	Các chiến lược hỏi người khác	2.7719	0.74459
			Các chiến lược tự trò chuyện	3.0842	0.71187
Tổng thể	3.1831	0.41948			

có trị trung bình từ 3.5 đến dưới 4.5, cấp 5 có trị trung bình từ 4.5 đến 5.0. Trong đó, cấp 1 và cấp 2 là cấp độ tần suất sử dụng thấp, cấp 3 là cấp độ tần suất sử dụng trung bình, cấp 4 và cấp 5 là cấp độ tần suất sử dụng cao.

Bảng 1 cho thấy, sinh viên có tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc ở mức độ trung bình (Mean = 3.1831). Trong đó, các chiến lược suy luận có tần suất ở mức độ cao (Mean = 3.5342), các chiến lược còn lại đều có tần suất ở mức độ trung bình. Sinh viên sử dụng nhiều nhất là nhóm chiến lược siêu nhận thức, kế đến là nhóm chiến lược nhận thức, ít sử dụng nhất là nhóm chiến lược xã hội - tình cảm.

Kết quả này không giống với kết quả nghiên cứu của Wang Yao-mei (2013). Theo Wang Yao-mei, sinh viên quốc tế tại Trung Quốc có tần suất sử dụng ở mức độ cao, trong đó thường xuyên sử dụng nhất là nhóm chiến lược xã hội - tình cảm, kế đến là nhóm chiến lược nhận thức, ít sử dụng nhất là nhóm chiến lược siêu nhận thức. Điều

này cho thấy, trong môi trường ngôn ngữ đích sinh viên thường xuyên cần sự giúp đỡ của giảng viên hoặc những sinh viên lớp trên, đồng thời có thể tự điều chỉnh cảm xúc của bản thân, tự khích lệ chính mình. Ngược lại, trong môi trường ngôn ngữ mẹ đẻ, sinh viên thường xuyên đánh giá tiến trình học tập của mình, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế tiến hành điều chỉnh việc sử dụng chiến lược kế hoạch của mình. Có thể nói, môi trường ngôn ngữ cũng có ảnh hưởng nhất định đến việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên.

3.2. Mối quan hệ giữa các nhân tố cá thể và việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc

3.2.1. Mối quan hệ giữa giới tính và việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc

Trong số các sinh viên tham gia điều tra, có 26 sinh viên nam, chiếm tỉ lệ 13,7%, 164 sinh viên nữ, chiếm tỉ lệ 86,3%. Tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung

Bảng 2. Tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc theo giới tính

Nhóm chiến lược	Giới tính	Mean	SD	t	p
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Nam	3.4112	0.74387	0.693	0.494
	Nữ	3.3068	0.49059		
Nhóm chiến lược nhận thức	Nam	3.2792	0.60734	0.952	0.349
	Nữ	3.1608	0.45808		
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	Nam	3.0934	0.53900	1.484	0.139
	Nữ	2.9277	0.52733		
Tổng thể	Nam	3.2881	0.56531	1.057	0.299
	Nữ	3.1665	0.39113		

Quốc của sinh viên nam và sinh viên nữ như Bảng 2.

Bảng 2 cho thấy, sinh viên nam có tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc cao hơn sinh viên nữ. Kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể - trường hợp mẫu độc lập (Independent samples T-test) cho thấy, việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên nam và sinh viên nữ không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0.05$).

Chúng tôi tiến hành kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể trường hợp mẫu độc lập (Independent - samples T-test) ở các chiến lược cụ thể. Kết quả cho thấy, giữa sinh viên nam và sinh viên nữ có sự khác biệt có ý nghĩa trong việc sử dụng các chiến lược chuyển đi ($t = 2.058, p = 0.041$).

Nhìn chung, giới tính không phải là nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam. Kết quả này giống kết quả nghiên cứu

của Qian Yu-lian (2007), Xu Li-hua & Zhou Ying (2016). Kết quả nghiên cứu của các công trình này đều cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa về giới tính của sinh viên Hàn Quốc, sinh viên các nước châu Phi trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc.

3.2.2. Mối quan hệ giữa độ tuổi và việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc

Trong số các sinh viên tham gia điều tra, có 123 sinh viên thuộc nhóm tuổi 18-20, chiếm tỉ lệ 64,7%, 67 sinh viên thuộc nhóm tuổi 21-23, chiếm tỉ lệ 35,3%. Tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên thuộc hai nhóm tuổi trên như Bảng 3.

Bảng 3 cho thấy, sinh viên thuộc nhóm tuổi 18-20 và sinh viên thuộc nhóm tuổi 21-23 gần như không có sự khác biệt về tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc. Kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể - trường hợp mẫu độc lập (Independent

Bảng 3. Tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc theo độ tuổi

Nhóm chiến lược	Nhóm tuổi	Mean	SD	t	p
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	18-20	3.3189	0.56968	-0.074	0.941
	21-23	3.3249	0.45584		
Nhóm chiến lược nhận thức	18-20	3.1731	0.50677	-0.149	0.881
	21-23	3.1841	0.43351		
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	18-20	2.9826	0.52300	1.134	0.258
	21-23	2.8913	0.54318		
Tổng thể	18-20	3.1851	0.44571	0.089	0.929
	21-23	3.1794	0.36968		

samples T-test) cho thấy, việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên thuộc hai nhóm tuổi này không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0.05$).

Chúng tôi tiến hành kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể trường hợp mẫu độc lập (Independent - samples T-test) ở các chiến lược cụ thể. Kết quả cho thấy, giữa sinh viên thuộc nhóm tuổi 18-20 và sinh viên thuộc nhóm tuổi 21-23 không có sự khác biệt có ý nghĩa trong việc sử dụng các chiến lược cụ thể.

Có thể nói, độ tuổi không phải là nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam. Kết quả này giống với kết quả khảo sát của Wang Yao-mei (2013). Wang Yao-mei đã khảo sát tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc giữa ba nhóm tuổi (dưới 20 tuổi, từ 21 đến 24 tuổi, trên 25 tuổi), kết quả cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa về độ tuổi trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc.

3.3. Mối quan hệ giữa thành tích học tập và việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc

Chúng tôi sử dụng phân tích tương quan Pearson để kiểm định mối tương quan giữa thành tích học tập và việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc. Kết quả như Bảng 4.

Bảng 4. Phân tích mối tương quan giữa thành tích học tập và chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc

	Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Nhóm chiến lược nhận thức	Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm
Pearson Correlation	0.294	0.154	0.104
Sig. (2-tailed)	0.000	0.034	0.152

Bảng 4 cho thấy, việc sử dụng nhóm chiến lược siêu nhận thức, nhóm chiến lược nhận thức và thành tích học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên có mối tương quan với nhau ($p < 0.05$). Qua đó cho thấy, tần suất sử dụng chiến lược có ảnh hưởng nhất định đến thành tích học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên.

Chúng tôi tiến hành phân tích tương quan Pearson giữa thành tích học tập và việc sử dụng các chiến lược cụ thể. Kết quả cho thấy, có mối tương quan giữa thành tích học tập và việc sử dụng các chiến lược kế hoạch ($r = 0.321$, $p = 0.000$), các chiến lược giám sát ($r = 0.198$, $p = 0.006$) và các chiến lược đánh giá ($r = 0.146$, $p = 0.045$) trong nhóm chiến lược siêu nhận thức, các chiến lược suy luận ($r = 0.240$, $p = 0.001$) và các chiến lược chuyển di ($r = 0.232$, $p = 0.001$) trong nhóm chiến lược nhận thức. Sinh viên nào thường xuyên sử dụng các chiến lược này sẽ có thành tích học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc cao hơn, ngược lại, những sinh viên ít sử dụng các chiến lược này sẽ có thành tích học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc thấp hơn.

Kết quả này có phần giống với kết quả khảo sát của Wang Yao-mei (2013), Wu Jian (2018). Cũng như kết quả nghiên cứu của chúng tôi, các nghiên cứu này đều cho rằng tần suất sử dụng các chiến lược đánh giá trong nhóm chiến lược siêu nhận thức, các chiến lược suy luận trong nhóm chiến lược nhận thức có ảnh hưởng đến thành tích học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên. Song, khác với kết quả nghiên cứu của chúng tôi, kết quả của các nghiên cứu này còn cho rằng tần suất sử dụng các chiến lược dự đoán trong nhóm chiến lược nhận thức có ảnh hưởng đến thành tích học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên. Trong khi đó, các chiến lược dự đoán lại ít được sinh viên Việt Nam sử dụng (Mean = 2.8883, SD = 0.66603), và chúng không có mối tương quan với thành tích học tập ($r = 0.059$, $p = 0.419$).

4. THẢO LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Tình hình tổng thể về việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam không mấy khả quan. Tần suất sử dụng ở mức độ trung bình. Điều này cho thấy, sinh viên Việt Nam có ý thức và nhu cầu sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe trong quá trình học tập tiếng Trung Quốc, nhưng vẫn không thể sử dụng thành thực các chiến lược này, giảng viên cần chú trọng bồi dưỡng và rèn luyện cho sinh viên các chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc.

Các nhân tố giới tính và độ tuổi không ảnh hưởng đến việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam. Điều này có thể vì khách thể nghiên cứu của chúng tôi là sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Sinh viên có mục đích và áp lực trong học tập như nhau, vì vậy không có sự khác biệt có ý nghĩa trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc.

Giữa chiến lược học tập và thành tích học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc tồn tại mối tương quan thuận với nhau. Các sinh viên thường xuyên sử dụng nhóm chiến lược siêu nhận thức (nhất là các chiến lược kế hoạch, các chiến lược giám sát và các chiến lược đánh giá), nhóm chiến lược nhận thức (nhất là các chiến lược suy luận và các chiến lược chuyển di) sẽ có thành tích học tập kỹ năng nghe tốt hơn.

Từ những kết quả nghiên cứu trên đây, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, giúp sinh viên có ý thức sử dụng chiến lược học tập. Trong quá trình giảng dạy các học phần kỹ năng nghe, giảng viên cần giúp sinh viên tăng cường nhận thức về chiến lược học tập, đặc biệt là nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm.

Thứ hai, đưa việc rèn luyện chiến lược học tập vào quá trình học tập kỹ năng nghe. Giảng viên cần chú trọng phương pháp rèn luyện chiến lược, xuất phát từ những ví dụ thực tế, cụ

thể, để sinh viên có thể hiểu được vai trò của chiến lược học tập trong quá trình học tập kỹ năng nghe.

Thứ ba, kết hợp rèn luyện chiến lược học tập kỹ năng nghe với việc tích lũy kiến thức. Năng lực chiến lược cần xây dựng trên cơ sở cấu trúc kiến thức và năng lực ngôn ngữ đã có, vì vậy những kiến thức về từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc của sinh viên sẽ giúp ích cho việc nâng cao năng lực sử dụng chiến lược học tập kỹ

năng nghe tiếng Trung Quốc.

Thứ tư, bồi dưỡng năng lực tự chủ học tập cho sinh viên là mục đích chính của nghiên cứu chiến lược học tập. Giảng viên cần giúp sinh viên nhận thức được ý nghĩa và giá trị của việc sử dụng các chiến lược học tập kỹ năng nghe, có thể nhìn nhận lại những khiếm khuyết của bản thân, đồng thời có thể tiến hành giám sát, điều chỉnh và đánh giá, để có thể trở thành người "biết học" thật sự. □

PHỤ LỤC

Bảng điều tra chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc

Căn cứ vào tình hình thực tế, bạn hãy khoanh tròn chữ số biểu thị mức độ đồng ý cho các câu bên dưới.

	1 === Hoàn toàn không đồng ý	=== 2 === Hơi không đồng ý	=== 3 === Không xác định	=== 4 === Hơi đồng ý	=== 5 Hoàn toàn đồng ý
T1	Khi rảnh rỗi, tôi sẽ tìm tài liệu tiếng Trung mà tôi thích để nghe.				
T2	Tôi sẽ tìm cơ hội để nghe tài liệu tiếng Trung.				
T3	Để nâng cao kỹ năng nghe, tôi xem chương trình truyền hình tiếng Trung.				
T4	Tôi sẽ cố gắng tìm cách nâng cao kỹ năng nghe tiếng Trung.				
T5	Trước khi nghe, tôi sẽ căn cứ vào nhiệm vụ hoặc chủ đề bài nghe để xác định xem bài nghe này có quan trọng hay không.				
T6	Trước khi bắt đầu nghe, tôi sẽ xác định xem điều mình cần chú ý là nội dung chi tiết hay là đại ý của bài nghe.				
T7	Trước khi bắt đầu nghe tài liệu quan trọng, tôi sẽ tự hỏi mình đã biết gì về chủ đề này.				
T8	Khi tôi nghe, tôi biết mình có gặp trở ngại trong việc hiểu tài liệu nghe hay không.				
T9	Khi tôi gặp khó khăn trong việc nghe, tôi sẽ quyết định có nên xem trọng nó hay không.				
T10	Nếu như gặp trở ngại trong việc hiểu, tôi sẽ nhanh chóng đưa ra quyết định có nên nghe tiếp hay nghe lại từ đầu không.				
T11	Trong lúc nghe hoặc sau khi nghe, tôi sẽ kiểm tra xem tôi nghe hiểu được bao nhiêu.				
T12	Trong lúc nghe hoặc sau khi nghe, tôi sẽ so sánh nội dung tôi hiểu với những gì tôi biết về chủ đề này.				

T13	Tôi sẽ kiểm tra toàn bộ nội dung mà tôi hiểu, tìm xem có chỗ mâu thuẫn nào đó bên trong nó hay không.	1	2	3	4	5
T14	Khi nghe, tôi sẽ lặp lại những gì tôi nghe được.	1	2	3	4	5
T15	Khi nghe, tôi sẽ lặp lại những từ hoặc cụm từ mà tôi có thể hiểu.	1	2	3	4	5
T16	Khi không thể hiểu một từ hoặc cụm từ nào đó, tôi sẽ lặp lại cho bản thân tôi nghe.	1	2	3	4	5
T17	Khi nghe, để hiểu toàn bộ nội dung, tôi sẽ chú ý nghe từng từ một.	1	2	3	4	5
T18	Khi không hiểu một nội dung nào đó, tôi sẽ sử dụng những kiến thức phổ thông mà tôi biết để đoán.	1	2	3	4	5
T19	Khi không hiểu một nội dung nào đó, tôi sẽ sử dụng những kiến thức liên quan đến CHỦ ĐỀ mà tôi biết để đoán.	1	2	3	4	5
T20	Khi không hiểu một nội dung nào đó, tôi sẽ sử dụng những kiến thức về tiếng Trung mà tôi biết để đoán.	1	2	3	4	5
T21	Khi không hiểu một nội dung nào đó, tôi sẽ sử dụng những nội dung mà tôi đã nghe được để đoán.	1	2	3	4	5
T22	Khi không hiểu một nội dung nào đó, tôi sẽ sử dụng kết cấu bài nghe mà tôi biết để giúp cho việc hiểu bài nghe.	1	2	3	4	5
T23	Khi không hiểu một nội dung nào đó, tôi sẽ sử dụng một số phương pháp phán đoán.	1	2	3	4	5
T24	Khi nghe, tôi sẽ sử dụng những kiến thức phổ thông mà tôi biết để đoán nội dung của phần nghe tiếp theo là gì.	1	2	3	4	5
T25	Khi nghe, tôi sẽ sử dụng những kiến thức liên quan đến CHỦ ĐỀ này mà tôi biết để đoán nội dung của phần nghe tiếp theo là gì.	1	2	3	4	5
T26	Khi nghe, tôi sẽ sử dụng những kiến thức về tiếng Trung mà tôi biết để đoán nội dung của phần nghe tiếp theo là gì.	1	2	3	4	5
T27	Khi nghe, tôi sẽ sử dụng những nội dung mà tôi đã nghe để đoán nội dung của phần nghe tiếp theo là gì.	1	2	3	4	5
T28	Khi nghe, tôi sẽ sử dụng kết cấu bài nghe mà tôi đã nghe để đoán nội dung của phần nghe tiếp theo là gì.	1	2	3	4	5
T29	Khi tôi suy nghĩ về phần còn lại của bài nghe, trong đầu tôi có nhiều kiểu phán đoán khác nhau.	1	2	3	4	5
T30	Trước khi nghe, tôi sẽ đoán đại ý của bài nghe mà tôi sắp phải nghe.	1	2	3	4	5
T31	Khi nghe, tôi sẽ cố gắng suy nghĩ phần nội dung còn lại của bài nghe là gì.	1	2	3	4	5
T32	Khi nghe, để hiểu tốt hơn, tôi sẽ dịch tiếng Trung sang tiếng Việt	1	2	3	4	5
T33	Khi nghe, để hiểu tốt hơn, tôi sẽ tưởng tượng nội dung nghe thành một bức tranh.	1	2	3	4	5
T34	Sau khi nghe xong, tôi sẽ sử dụng lời nói của mình để lặp lại nội dung mà tôi đã nghe.	1	2	3	4	5
T35	Sau khi nghe xong, tôi sẽ tổng kết lại nội dung mà tôi đã nghe.	1	2	3	4	5
T36	Tôi sẽ cố gắng liên hệ nội dung mà tôi đã nghe với kinh nghiệm của bản thân.	1	2	3	4	5
T37	Khi nghe, tôi sẽ cố gắng nhớ những cách diễn đạt, những phương thức miêu tả có ích, tiện cho tôi sử dụng.	1	2	3	4	5

T38	Tôi sẽ cố gắng tìm ra các vấn đề mà tôi đã nghe, để tôi có thể tránh được những vấn đề tương tự khi sử dụng tiếng Trung.	1	2	3	4	5
T39	Khi nghe, nếu gặp những từ khó hiểu, đợi đến khi nghe xong tôi sẽ tra từ điển.	1	2	3	4	5
T40	Trong quá trình nghe, khi gặp khó khăn, tôi sẽ nhờ sự trợ giúp của máy vi tính.	1	2	3	4	5
T41	Khi nghe, nếu gặp vấn đề, tôi sẽ nhờ bạn bè giúp đỡ.	1	2	3	4	5
T42	Khi nghe, nếu gặp vấn đề, tôi sẽ nhờ người thân giúp đỡ.	1	2	3	4	5
T43	Khi nghe, nếu gặp vấn đề, tôi sẽ nhờ giáo viên giúp đỡ.	1	2	3	4	5
T44	Tôi nói với mình rằng, phải vui vẻ khi nghe.	1	2	3	4	5
T45	Tôi nói với mình rằng, phải thoải mái khi nghe.	1	2	3	4	5
T46	Khi nghe, nếu có chỗ nào đó không hiểu, tôi không nói với ai hết.	1	2	3	4	5
T47	Khi nghe, nếu gặp vấn đề, tôi sẽ cố gắng thả lỏng mình.	1	2	3	4	5

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Fan Zu-kui 范祖奎. 2008. "汉语听力理解策略与特点调查分析". *新疆师范大学学报 (哲学社会科学版)*, 4.
3. O'Malley, J. & Chamot, A. U. 1989. "Listening Comprehension Strategies in Second Language Acquisition". *Applied Linguistics*, 10(4).
3. Oxford, R. L. 1990. *Language Learning Strategies: What Every Teacher Should Know*. Boston: Heinle & Heinle Publishers.
4. Qian Yu-lian 钱玉莲. 2007. *韩国学生汉语学习策略研究*. 北京: 世界图书出版公司.
5. Ron Iwankovitch, 2001, "The Importance of Listening". *Language Arts Journal of Michigan*, 17(2).
6. Vandergrift L. 1999. "Facilitating Second Language Listening Comprehension: Acquiring Successful Strategies". *ELT Journal*, 53(3).
7. Wang Yao-mei 王尧美. 2013. *来华预科留学生汉语学习策略研究*. 北京: 世界图书出版公司.
8. Wu Jian 吴剑. 2018. "初级水平外国留学生的汉语听力学习策略". *汉语国际教育研究*, 第3辑.
9. Xu Li-hua 徐丽华 & Zhou Ying 周颖. 2016. "非洲汉语学习者听力学习策略调查研究". *汉语国际教育研究*, 第1辑.
10. Zhang Jin-hai 张津海. 2008. "留学生汉语听力理解策略运用的研究". *对外汉语研究*, 第4辑.